

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày 20-7-2020
“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Nở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hạnh.
2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Duồng – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST – DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-DS ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị V (tên gọi khác: O) (có mặt), sinh năm 1978 và ông Huỳnh Mộng H , sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đội ..., buôn H , xã H , huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Huỳnh Mộng H: Bà Hà Thị V, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Đội ..., buôn H , xã H , huyện C, tỉnh Đ.

Theo Giấy ủy quyền ngày 18/12/2019.

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị B, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn S, xã H , huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị V trình bày:

Vợ chồng tôi là chủ đại lý thu mua nông sản và bán phân bón. Trong năm 2018, bà Phạm Thị B nhiều lần chốt (theo hình thức chốt giá trả tiền trước nhận cà phê sau) cà phê nhân xô cho vợ chồng tôi, cụ thể:

Ngày 16/7/2018 bà B chốt 400kg cà phê nhân xô; Ngày 25/7/2018 bà B chốt 150kg cà phê nhân xô; Ngày 14/8/2018 bà B chốt 100kg cà phê nhân xô; Ngày 22/8/2018 bà B chốt 50kg cà phê nhân xô; Ngày 28/8/2018 bà B chốt 100kg cà phê nhân xô. Tổng cộng 800kg cà phê nhân xô. Bà B hẹn đến ngày 30/12/2018 trả cho vợ chồng tôi. Khi bà B chốt cà phê có ký nhận vào hóa đơn. Các lần chốt cà phê nhân xô nêu trên vợ chồng tôi đã trả tiền đủ cho bà B. Tuy nhiên, đến hẹn bà B không giao cà phê nhân xô cho vợ chồng tôi mà cố tình trốn tránh.

Vợ chồng tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà B trả cho vợ chồng tôi 800kg cà phê nhân xô quy chuẩn, quy ra giá tiền tại thời điểm khởi kiện là $34.000 \text{ đồng/kg} \times 800\text{kg} = 27.200.000 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, ngày 07/5/2020 bà V và ông H có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà B trả cho vợ chồng bà V, ông H 800kg cà phê nhân xô.

Tại bản tự khai bị đơn bà Phạm Thị B trình bày: Bà đồng ý với ý kiến của nguyên đơn bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H. Trong năm 2018, bà nhiều lần chốt cà phê nhân xô cho vợ chồng bà V và ông H, cụ thể: Ngày 16/7/2018 bà B chốt 400kg cà phê nhân xô; Ngày 25/7/2018 bà B chốt 150kg cà phê nhân xô; Ngày 14/8/2018 bà B chốt 100kg cà phê nhân xô; Ngày 22/8/2018 bà B chốt 50kg cà phê nhân xô; Ngày 28/8/2018 bà B chốt 100kg cà phê nhân xô. Tổng cộng 800kg cà phê nhân xô, hẹn đến ngày 30/12/2018 trả. Khi chốt cà phê bà B có ký nhận vào hóa đơn. Tuy nhiên, đến tháng 12 năm 2018 bà đã trả cho bà V và ông H 250kg cà phê nhân xô. Vì vậy, hiện nay bà chỉ còn nợ bà V và ông H 550kg cà phê nhân xô. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà B xin trả mỗi năm một ít.

Tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bà B là đã trả cho nguyên đơn 250kg cà phê nhân xô và cũng không đồng ý với phương thức trả nợ của bà B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ quy định tại các Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị B chưa thực hiện đúng đầy đủ quy định tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 430, 434 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H. Buộc bà Phạm Thị B phải trả lại cho bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H 800kg cà phê nhân xô.

Về án phí: Bà Phạm Thị B phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Phạm Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Hóa đơn mua bán cà phê thể hiện các ngày 16/7, ngày 25/7,

ngày 14/8, ngày 22/8 và ngày 28/8 năm 2018 với tổng số 800kg cà phê nhân xô, hẹn ngày 30 tháng 12 năm 2018 trả đủ. Người nợ cà phê là bà Phạm Thị B và người ký nhận là bà Phạm Thị B. Như vậy, giữa các bên đã ký kết hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đến thời hạn giao cà phê, bà B không thực hiện là vi phạm về nghĩa vụ của người bán theo quy định tại Điều 434 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H có cơ sở chấp nhận, buộc bà Phạm Thị B trả cho vợ chồng bà V, ông H 800kg cà phê nhân xô.

[3] Bà B cho rằng vào tháng 12 năm 2018 bà đã trả cho bà V và ông H 250kg cà phê nhân xô. Vì vậy, hiện nay bà chỉ còn nợ bà V và ông H 550kg cà phê nhân xô là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án, bà B không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Nguyên đơn bà V và ông H cũng không thừa nhận bà B đã giao số cà phê như bà B trình bày.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ pháp lý nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị B phải chịu án phí theo quy định, giá cà phê nhân xô tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 20/7/2020 là $32.500\text{đ/kg} \times 800\text{kg} = 26.000.000\text{đ} \times 5\% = 1.300.000$ đồng.

Nguyên đơn bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 430; Điều 434 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H.

Buộc bà Phạm Thị B phải có nghĩa vụ giao cho vợ chồng bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H 800kg cà phê nhân xô.

[2]. Về án phí: Bà Phạm Thị B phải chịu 1.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 860.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar theo biên lai thu số AA/2019/0004191 ngày 03/12/2019.

[3]. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Thị Nở